TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 323/2026/DS-ST
Ngày: 27/3/2026
V/v: *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - HÀ NỘI

- ***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Nguyễn Thị Vân Anh**
Các Hội thẩm nhân dân: **1. Ông Nguyễn Văn Sơn**
2. Ông Nguyễn Văn Đông

- *Thư ký phiên tòa*: **Bà Nguyễn Thùy Trang -** Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Hà Nội.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 – Hà Nội tham gia phiên toà:* **Bà Đỗ Diệu Linh** - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2026, Tòa án nhân dân Khu Vực 4, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự sơ thẩm thụ lý số 1177/2025/TLST-DS ngày 30/12/2025 về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69/2026/QĐXXST - DS ngày 12/02/2026; Quyết định hoãn phiên toà số: 68/2025/QĐST-DS ngày 06/3/2026 giữa:

- *Nguyên đơn:* **Ngân hàng TMCP T;** Địa chỉ trụ sở: Số 266 – 268 Nam Kỳ Khởi N, Phường Võ Thị S, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật: Bà **Nguyễn Đức Thạch D** - Chức vụ: Tổng Giám đốc; Người được ủy quyền tham gia tố tụng: Bà Trần Thị Thanh B.

Người đại diện theo ủy quyền: Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và khai thác tài sản ngân hàng T (Công ty SBA); Người đại diện theo pháp luật ông Phan Tấn D1- Chức vụ: Tổng Giám đốc; Người được ủy quyền: Ông Võ Thành N – Phó Tổng giám đốc *(Theo Giấy ủy quyền số 112/2025/UQ-TGĐ ngày 10/7/2025 của Chủ tịch kiêm Tổng giám đốc Công ty SBA).*

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng:

+ Ông Nguyễn Đặng Quỳnh A - Chức vụ: Nhân viên *Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và khai thác tài sản ngân hàng T (Theo Giấy ủy quyền số 5873/2025/UQ-TGĐ ngày 17/11/2025 của Chủ tịch kiêm Tổng giám đốc Công ty SBA); Địa chỉ liên hệ: Số 205 Giảng V, phường Ô Chợ D, Thành phố Hà Nội.*

Có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: **Ông Hoàng M**, sinh năm 1991; Hộ khẩu thường trú và ở tại: Số 5 nhà No 6A Khu đô thị mới Dịch Vọng H, quận Cầu G (nay là phường Cầu G), thành phố Hà Nội.

Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Ngày 02 tháng 12 năm 2025, Ngân hàng TMCP T nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân Khu Vực 4, thành phố Hà Nội về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" đối với bị đơn là ông Hoàng M; Hộ khẩu thường trú và ở tại: Số 5 nhà No 6A Khu đô thị mới Dịch Vọng H quận Cầu G (nay là phường Cầu G), thành phố Hà Nội.

Trong đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn do ông Nguyễn Đặng Quỳnh A - đại diện theo ủy quyền, trình bày:

Ngày 15/10/2021, ông Hoàng M có ký với Ngân hàng TMCP T (Sau đây gọi tắt là " Ngân hàng") đã ký Hợp đồng Thẻ tín dụng bao gồm: Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và Bản điều khoản và Điều kiện phát hành và sử sụng thẻ tín dụng của Ngân hàng- Các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng. Căn cứ thu nhập của ông M, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 30.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông M đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là: 29.157.776 đồng. Trong quá trình sử dụng Thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến khi chuyển nợ quá hạn, ông M đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền: 5.887.124 đồng (Thứ tự thanh toán áp dụng theo điều 20 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng Thẻ tín dụng của Ngân hàng, số tiền thanh toán sẽ trừ lãi, phí trước, sau đó mới trừ tiếp vào giao dịch, kể từ ngày chuyển nợ quá hạn sẽ thanh toán theo thứ tự gốc trước, lãi sau)

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông M vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông M vi phạm nghĩa vụ thanh toán, ngày 11/12/2022, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Lãi quá hạn: 2.766%/tháng x 150% = 4.149%/tháng.

Dư nợ tính đến ngày 27/3/2026 của ông M tại Ngân hàng như sau: Nợ gốc: 35.542.654 đồng; Nợ lãi quá hạn: 59.133.465 đồng; Tổng dư nợ: 94.676.119 đồng *(Chín mươi bốn triệu sáu trăm bảy mươi sáu nghìn một trăm mười chín đồng).*

Nay, nguyên đơn yêu cầu:

1. Buộc ông Hoàng M thanh toán cho Ngân hàng số tiền chưa thanh toán tính đến ngày 27/3/2026 là: 94.676.119 đồng *(Chín mươi bốn triệu sáu trăm bảy mươi sáu nghìn một trăm mười chín đồng).*

2. Buộc ông Hoàng M phải thanh toán các khoản phát sinh trên tổng số tiền

chưa thanh toán kể từ ngày 28/3/2026 cho đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng.

3. Buộc ông Hoàng M phải chịu trách nhiệm thanh toán toàn bộ án phí, phí thi hành án, chi phí phát sinh liên quan.

2. Đối với ông Hoàng M - Bị đơn:

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ngay sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng đối với bị đơn là ông Hoàng M, Tòa án đã xác minh tại Công an phường Cầu Giấy được biết: Ông Nguyễn Hoàng M, Hộ khẩu thường trú và ở tại: Số 5 nhà No 6A Khu đô thị mới Dịch Vọng H quận Cầu G (nay là phường Cầu G), thành phố Hà Nội, nhưng hiện nay ông M không còn ở tại địa chỉ trên nữa, ông M ở đâu công an phường không rõ do ông M không ra công an phường khai báo. Tòa án đã thực hiện niêm yết hợp lệ các văn bản, cũng như thông báo cho ông Hoàng M biết việc Ngân hàng TMCP T đang khởi kiện tại Tòa án nhân dân Khu Vực 4. Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông Hoàng M không có mặt, Tòa án không nhận được bất cứ phản hồi nào từ phía ông Hoàng M. Ông M không có đơn phản tố và không giao nộp tài liệu chứng cứ cũng không có lời khai tại Tòa án.

Tại phiên toà

***Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Đặng Quỳnh A - đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đề nghị Tòa án xét xử theo quy định của pháp luật. Theo đó, nguyên đơn vẫn giữ nguyên các yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án:*

1. Buộc ông Hoàng M thanh toán cho Ngân hàng TMCP T số tiền chưa thanh toán tính đến ngày 27/3/2026 là:

Nợ gốc: 35.542.654 đồng; Nợ lãi quá hạn: 59.133.465 đồng; Tổng dư nợ: 94.676.119 đồng *(Chín mươi bốn triệu sáu trăm bảy mươi sáu nghìn một trăm mười chín đồng).*

2. Buộc ông Hoàng M phải thanh toán các khoản phát sinh trên tổng số tiền chưa thanh toán kể từ ngày 27/3/2026 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng TMCP T.

3. Buộc ông Hoàng M phải chịu trách nhiệm thanh toán toàn bộ án phí, phí thi hành án, chi phí phát sinh liên quan.

**** Bị đơn:** Ông Hoàng M vắng mặt tại phiên tòa không rõ lý do mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nên Tòa án tiến hành xét xử theo thủ tục chung.*

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu Vực 4, thành phố Hà Nội phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật:

Thẩm phán đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án.

Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật trong quá trình xét xử vụ án.

Thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong việc tống đạt, niêm yết các văn bản của Tòa án, trong quá trình xét xử vụ án.

Nguyên đơn đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Bị đơn vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần là từ chối thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình, không chấp hành các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, gây khó khăn cho Tòa án.

Về đường lối giải quyết vụ án:

Đề nghị HĐXX:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

***1.** Buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn tổng số tiền nợ gốc và lãi quá hạn với mức lãi suất trong hạn chỉ được áp dụng mức trần là 20%/năm, lãi suất quá hạn được áp dụng bằng 150% lãi suất trong hạn. Không chấp nhận mức lãi suất quá hạn vượt mức mà Ngân hàng yêu cầu.*

***2.** Bị đơn có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh sau ngày 27/3/2026 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất như trên*

3. Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật đối với phần yêu cầu của Ngân hàng được Tòa án chấp nhận. Ngân hàng phải chịu án phí sơ thẩm đối với phần yêu cầu không được Tòa án chấp nhận.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án.

Sau khi xem xét, đánh giá khách quan, toàn diện những tài liệu chứng cứ được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngân hàng TMCP T (*gọi tắt là Sacombank*) được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh với ngành nghề kinh doanh trong lĩnh vực tín dụng, tài chính, tiền tệ.

Bị đơn là ông Huỳnh Ngọc D1 có Đăng ký HKTT tại: Số 5 nhà No 6A Khu đô thị mới Dịch Vọng H quận Cầu G (nay là phường Cầu G), thành phố Hà Nội. Như vậy, Tòa án nhân dân Khu Vực 4 thụ lý, giải quyết yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng đối với ông Huỳnh Ngọc D1 về việc "*Tranh chấp Hợp đồng tín dụng*" theo quy định tại Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự là đúng thẩm quyền giải quyết vụ án theo lãnh thổ và loại việc.

[2] Về quan hệ pháp luật: Về quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định đây là tranh chấp Hợp đồng tín dụng được quy định tại các điều Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự.

[3] Về tố tụng: Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, giấy triệu tập đến phiên tòa lần thứ 2 cho bị đơn ông Huỳnh Ngọc D1, nhưng tại phiên tòa hôm nay ông D1 vắng mặt. Quá trình giải quyết vụ án, trước thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải bị đơn - ông Huỳnh Ngọc D1 đã được tống đạt hợp lệ đầy đủ các văn bản tố tụng nhưng không có mặt, không có ý kiến đối với yêu

cầu khởi kiện của nguyên đơn và không đưa ra yêu cầu phản tố nên Tòa án không xem xét giải quyết. Căn cứ khoản 2, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

[4] Về nội dung vụ án:

[4.1] Đối với hợp đồng tín dụng: Xét Bản đề nghị Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và Bản điều khoản và Điều kiện phát hành và sử sụng thẻ tín dụng đều được ký kết bởi đại diện Hợp pháp của Ngân hàng TMCP T với ông Hoàng M khi ký bản Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và Bản điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, các bên đều có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, không có dấu hiệu bị lừa dối cưỡng ép, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với các quy định tại khoản 16 Điều 4; khoản 2 Điều 91, điểm a khoản 3 Điều 98 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 7, điểm d khoản 1; Điều 25 Quyết định 1627/2011/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, nên có giá trị thi hành. Quá trình thực hiện Hợp đồng cho vay. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông M đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là: 29.157.776 đồng. Trong quá trình sử dụng Thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến khi chuyển nợ quá hạn, ông M đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền: 5.887.124 đồng (Thứ tự thanh toán áp dụng theo điều 20 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng Thẻ tín dụng của Ngân hàng, số tiền thanh toán sẽ trừ lãi, phí trước, sau đó mới trừ tiếp vào giao dịch, kể từ ngày chuyển nợ quá hạn sẽ thanh toán theo thứ tự gốc trước, lãi sau).

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông M vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông M vi phạm nghĩa vụ thanh toán, ngày 11/12/2022, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng)

Theo quy định tại Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng thì ông M đã vi phạm thời hạn thanh toán.

Tính đến ngày 27/3/2026, ông M còn nợ Ngân hàng tổng nợ gốc theo Hợp đồng tín dụng là 94.676.119 đồng *(Chín mươi bốn triệu sáu trăm bảy mươi sáu nghìn một trăm mười chín đồng).*

Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại phần Hạn mức của Cam kết của Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng có quy định trách nhiệm thực hiện đúng quy định trong Hợp đồng và chịu hoàn toàn mọi trách nhiệm thanh toán nợ, trách nhiệm pháp lý nếu vi phạm một trong các nghĩa vụ điều khoản của Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng.

Tại Điều 2, Điều 20, Điều 23 của Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng có quy định trách nhiệm thanh toán, thời hạn thanh toán và số tiền thanh toán của chủ thẻ, song trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông MTiến đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ là vi phạm các thỏa thuận trong Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng đã ký. Do đó, Ngân hàng yêu cầu ông Tiến thanh toán nợ gốc của bản Đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng là 196.535.794 đồng *(Một trăm chín mươi sáu triệu, năm trăm ba mươi lăm nghìn, bảy trăm chín mươi bốn đồng).*

[3.2] Đối với yêu cầu tiền lãi:

Xét, theo Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, đối với các hợp đồng tín dụng được xác lập trước ngày 01/07/2019 thì bên vay phải chịu: lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả và lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả theo lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với Luật Các tổ chức tín dụng và văn bản quy phạm pháp luật quy định về lãi suất áp dụng cho hợp đồng tín dụng tại thời điểm xác lập hợp đồng.

Do đó, đối chiếu với các quy định của Luật các tổ chức tín dụng và văn bản quy phạm pháp luật quy định về lãi suất thấy: Theo khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 thì: *"Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thoả thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật"*. Tại Điều 11 Quyết định 1627/2011/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước v/v ban hành Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng quy định: *"Mức lãi suất cho vay do tổ chức tín dụng và khách hàng thoả thuận phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam"*. Theo Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn về tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng có quy định: *"Tổ chức tín dụng thực hiện cho vay bằng đồng Việt Nam theo lãi suất thoả thuận với khách hàng nhằm đáp ứng nhu cầu vốn của dự án, phương án sản xuất kinh doanh, dịch vụ, đầu tư phát triển và đời sống có hiệu quả"*. Xét thấy căn cứ trên bản kê tính lãi của nguyên đơn xuất trình cho Hội đồng xét xử, lãi suất để tính lãi phát sinh phù hợp với quy định , quy chế cho vay nên có giá trị pháp lý và có hiệu lực thi hành đối với các bên. Ngân hàng đã xuất trình đầy đủ các căn cứ về việc điều chỉnh lãi suất, phù hợp với quy định tại Điều 91, 95; Khoản 3 Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 nên Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu đòi lãi của nguyên đơn.

[5]. Từ những nhận định như trên, có đủ cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Hoàng M phải thực hiện nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP T tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 27/3/2026 là: Nợ gốc: 35.542.654 đồng; Nợ lãi quá hạn: 59.133.465 đồng; Tổng dư nợ: 94.676.119 đồng *(Chín mươi bốn triệu sáu trăm bảy mươi sáu nghìn một trăm mười chín đồng)*.

[6] Về án phí: Do nguyên đơn Ngân hàng TMCP T được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên được hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các bên đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 5; khoản 3 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227; Điều 228; khoản 2 Điều 244; Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Các Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Điều 91, 95; khoản 3 Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Nghị quyết 01/2019/NQ – HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán TAND Tối cao áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về việc "*Tranh hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng*" của Ngân hàng TMCP T đối với ông Hoàng M.

2. Buộc ông Hoàng M phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP T số tiền còn nợ theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng ngày 14/01/2015, tính đến ngày 27/3/2026 là: Nợ gốc: 35.542.654 đồng; Nợ lãi quá hạn: 59.133.465 đồng; Tổng dư nợ: 94.676.119 đồng *(Chín mươi bốn triệu sáu trăm bảy mươi sáu nghìn một trăm mười chín đồng).*

Kể từ ngày 28/3/2026, ông Hoàng M còn phải chịu lãi suất phát sinh trên dư nợ gốc còn lại theo mức lãi suất nợ quá hạn quy định tại "Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, được phê duyệt cấp tín dụng ngày 14/01/2015" cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng TMCP T. Trường hợp Ngân hàng TMCP T có sự điều chỉnh mức lãi suất cho vay định kỳ theo quy định của Ngân hàng thì lãi suất mà ông Hoàng M phải tiếp tục thanh toán theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng TMCP T.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận việc thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Hoàng M phải nộp án phí là 36.008.117 đồng *(Ba mươi sáu triệu không trăm linh tám nghìn, một trăm mười bảy đồng).*

- Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP T số tiền tạm ứng án phí là 1.470.000 đồng (*Một triệu bốn trăm bảy mươi nghìn đồng)* theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0021501 ngày 26/12/2025 tại Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

4. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ./.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND Khu Vực 4 – Hà Nội;
- TAND TP Hà Nội;
- VKSND TP Hà Nội;
- Thi hành án dân sự Hà Nội;
- Lưu Văn phòng; hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Vân Anh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thu thập được các thông tin về bị đơn như sau: Xác minh tại công an phường Yên Hòa cho biết: Ông Hoàng Anh Vũ có Hộ khẩu thường trú và ở tại: Số 25 ngõ 69 Nguyễn Bá Khoản, Tổ dân phố số 22 phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội (Nay là phường Yên Hòa, thành phố Hà Nội)**, nhưng**